TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2025
Về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hơn

Bà Bùi Thị Thúy Bắc

- *Thư ký phiên Tòa:* Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2024/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn M**, sinh năm 1974; Địa chỉ: số nhà A ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: **Bà Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1972; Địa chỉ: số nhà A ấp Q, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2024, văn bản trình bày ý kiến ngày 08/01/2025 nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Năm 1998, ông M và bà L có tiến đến hôn nhân, hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, ông M và bà L sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Hiện tại vợ chồng ông M đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau mà mạnh ai nấy sống.

Ông M có trao đổi về việc đoàn tụ nhưng không có kết quả vì vậy ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông M được ly hôn với bà L (không công nhận ông M và bà L là vợ chồng). Ông M không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung: ông M và bà L có một người con chung tên Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đồng thời, ông M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Phía bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các giấy mời của Toà án và đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng bà L vắng mặt, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không có phần trình bày của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, văn bản trình bày ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng và quan hệ hôn nhân:*

Ngày 31/3/2025, ông M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L.

Căn cứ vào nội dung đơn xin xác nhận không đăng ký kết hôn ngày 02/12/2024 của ông Nguyễn Văn M gửi Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Bến Tre xác nhận như sau: từ năm 1989 đến năm 2024 không có hồ sơ lưu đăng ký kết hôn của bà L và ông M. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, ông M trình bày cho đến thời điểm hiện tại bà L và ông M vẫn không có đăng ký kết hôn.

Bà L và ông M có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa bà L và ông M là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị Mỹ L là vợ chồng.

[2] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống bà L và ông M có một người con chung tên Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* ông M và bà L tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về nợ chung:* ông M trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân sơ thẩm: ông M phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao và Bộ Tư pháp;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận mối quan hệ giữa ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị Mỹ L là vợ chồng.

2. Về con chung: bà L và ông M có một người con chung tên Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1999. Hiện con chung đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung:* ông M và bà L tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về nợ chung:* ông M trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005831 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách. Ông M đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án

hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV-THA);
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Nga